

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2019.

“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thuận;
2. Bà Phạm Đức Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Định Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hứa Thị H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Xóm NM, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn S, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Xóm NM, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh S tổ chức lễ cưới vào ngày tháng 02/1995 (tổ chức lễ cưới vào ngày nào thì chị không nhớ chỉ nhớ tháng 02/1995 âm lịch) nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của luật, lý do không đăng đăng ký kết hôn là do đều đã được hai bên gia đình đồng ý, sau đó do mãi làm ăn kinh tế nên không đi đăng ký kết hôn vì vậy đến nay vợ chồng sống chung với nhau cũng không có đăng ký kết hôn.

Tuy nhiên trước khi tổ chức lễ cưới anh chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh S làm dâu ngay và chung sống cùng gia

đình nhà chồng, vợ chồng không ra ở riêng mà ở cùng bố mẹ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hòa thuận hạnh phúc thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhỏ. Do kinh tế gia đình khó khăn tháng 6/2006 chị bàn bạc với chồng cho đi xuất khẩu lao động bên Malaixia đến năm 2009 chị về nước, đến tháng 8/2010 chị lại tiếp tục bàn bạc với S cho tôi đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan đến tháng 3/2012 thì chị về nước hẳn. Khi đi làm ăn ở nước ngoài chị vẫn tH xuyên gửi tiền về để anh S ở nhà nuôi con và chăm lo cho gia đình nhưng anh S mang đi tiêu sài cho một mình bản thân, không chăm lo cho gia đình con cái. Năm 2015 thì mâu thuẫn trở nên quá trầm trọng nguyên nhân là do trong ăn ở sinh hoạt và nuôi dạy con cái, anh S chơi bời, uống rượu, không chịu làm ăn, kinh tế gia đình một mình chị gánh vác chị góp ý khuyên bảo nhưng S không thay đổi, chị cho anh S nhiều cơ hội sửa chữa sai lầm nhưng không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 6/2016 cho đến nay và không hề quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu do vậy chị cương quyết xin được ly hôn anh Lê Văn S. Việc chị chung sống với anh S không có đăng ký kết hôn tùy Tòa án xem xét giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 17/4/1996 và Lê Văn K, sinh ngày 21/6/1998, hiện nay cả hai con đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh bình thường, lao động tự túc được. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Lê Văn S trình bày:*

- Về thời gian tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân anh S xác định như chị H trình bày là đúng, anh không có gì phải bổ sung thêm. Anh S xác định vợ chồng tổ chức lễ cưới vào tháng 02/1995 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không đi đăng ký kết hôn, vì được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Mâu thuẫn vợ chồng là do trong ăn ở sinh hoạt và nuôi dạy con cái, năm 2006 do kinh tế gia đình khó khăn nên anh đã đồng ý cho chị H đi xuất khẩu lao động bên Malaixia đến năm 2009 chị H về nước, khi đó anh bảo với vợ là không đi nữa nhưng đến năm 2010 chị H lại bàn bạc với tôi và tôi lại đồng ý tiếp tục cho chị H đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan đến tháng 3/2012 thì chị H về nước hẳn. Khi chị H đi làm ăn ở nước ngoài thì anh ở nhà vẫn chăm lo cho gia đình và con cái, vẫn mua sắm tài sản cho gia đình nhưng chị H lại cho là anh mang tiền đi chơi bời, rượu chè nên vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm và có nhiều lần đã xảy ra xô xát. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay và không hề quan tâm, hỏi han gì đến nhau nữa. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, do vậy chị H

xin được ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên vợ chồng chung sống với nhau từ tháng 02/1995 cho đến nay không có đăng ký kết hôn, tùy Tòa án xem xét giải quyết.

- Về con chung: Anh S xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 17/4/1996 và Lê Văn K, sinh ngày 21/6/1998, hiện nay cả hai đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh bình thường, lao động tự túc được. Ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Anh S xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Anh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Anh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hứa Thị H và anh Lê Văn S. Về con chung đã trưởng thành; Về tài sản chung chị H, anh S tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải nhưng chị H và anh S không có đăng ký kết hôn. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại xóm NM, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ. Tại

phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Hứa Thị H và anh Lê Văn S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ tháng 02/1995 cho đến nay, anh chị thừa nhận không có đăng ký kết hôn. Xác minh tại Ủy ban nhân xã BY, Ủy ban nhân dân xã Trung Lương, nơi cư trú, nơi có thẩm quyền đăng ký kết hôn cho chị H, anh S vào thời điểm vợ chồng chung sống từ năm 1995 cho đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Chị H và anh S chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy rằng: Từ năm 2006 trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày giữa chị H và anh S đã luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cách ăn ở, sinh hoạt. Chị H cho rằng anh S lại không chịu làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, rượu chè nên vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và có xảy ra xô sát, anh S cho rằng khi chị H đi xuất khẩu lao động về nước thì anh bảo không đi nữa ở nhà để chăm lo gia đình con cái nhưng chị H không nghe mà vẫn cố tình đi tiếp nên vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và nhiều lần xảy ra xô sát, từ tháng 6/2016 vợ chồng đã chính thức sống ly thân và không còn quan tâm, liên lạc gì đến nhau nữa, giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do riêng về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc chị H xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã giành nhiều thời gian cho vợ chồng chia sẻ để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, đúng thực tế. Tuy nhiên anh, chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H không rút đơn xin ly hôn mà cương quyết xin được ly hôn anh S. Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh S.

- Về con chung: Chị H, anh S có hai con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 17/4/1996 và Lê Văn K, sinh ngày 21/6/1998, hiện nay cả hai đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoàn toàn khỏe mạnh bình thường, lao động tự túc được. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Hứa Thị H, anh Lê Văn S xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Hứa Thị H, anh Lê Văn S đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Hứa Thị H phải chịu dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, khoản 2 Điều 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hứa Thị H và anh Lê Văn S.

2. Về con chung: Cháu Lê Thị T, sinh ngày 17/4/1996 và Lê Văn K, sinh ngày 21/6/1998, đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường lao động tự túc được. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Hứa Thị H và anh Lê Văn S đều xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Hứa Thị H và anh Lê Văn S đều xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hứa Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008697 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã BY;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng